

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ TÀ LÀI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/NQ-HĐND

Tà Lại, ngày 05 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương
trên địa bàn xã Tà Lại năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÀ LÀI
KHÓA VI - KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-STC ngày 11/7/2025 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước - Chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2025 (sau sắp xếp).

Xét Tờ trình số 08/TTr-UBND ngày 30/7/2025 của UBND xã về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ chi cho các cơ quan, đơn vị hành chính, đảng, đoàn thể; đơn vị trường học công lập năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và các ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại Tổ và kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương trên địa bàn xã Tà Lại như sau:

1. Tổng dự toán thu NSNN trên địa bàn: 1.866 triệu đồng.
(Có biểu chi tiết đính kèm)

Trong đó:

- | | |
|--|-----------------|
| - Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: | 619 triệu đồng. |
| Gồm: + Thuế giá trị gia tăng: | 607 triệu đồng. |
| + Thuế tiêu thụ đặc biệt: | 3 triệu đồng. |
| + Thuế tài nguyên: | 9 triệu đồng. |
| - Thuế thu nhập cá nhân: | 354 triệu đồng. |
| - Thuế trước bạ: | 504 triệu đồng. |
| - Thu phí và lệ phí: | 237 triệu đồng. |
| - Thuế SD đất phi nông nghiệp: | 42 triệu đồng. |
| - Thu khác ngân sách: | 110 triệu đồng. |

2. Thu ngân sách địa phương:	162.408 triệu đồng.
2.1. Thu cân đối ngân sách:	1.334 triệu đồng.
- Các khoản thu được hưởng 100%:	398 triệu đồng.
- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ:	612 triệu đồng.
- Thu các khoản huy động đóng góp:	324 triệu đồng.
2.2. Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh:	151.505 triệu đồng.
Trong đó: - Thu bổ sung cân đối ngân sách:	135.094 triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu:	16.411 triệu đồng.
2.3. Thu Kết dư:	7.259 triệu đồng.
2.4. Thu chuyển nguồn:	2.310 triệu đồng.
3 - Dự toán chi NS địa phương:	162.408 triệu đồng.
<i>(Có biểu chi tiết đính kèm)</i>	
3.1 Chi đầu tư phát triển:	11.069 triệu đồng.
<i>(Có Tờ trình phân bổ kế hoạch vốn riêng)</i>	
3.2 Chi thường xuyên:	147.503 triệu đồng.
<i>Bao gồm:</i>	
- Chi sự nghiệp giáo dục:	95.568 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp kinh tế:	413 triệu đồng.
- Sự nghiệp văn hóa thông tin:	413 triệu đồng.
- Sự nghiệp phát thanh truyền hình:	87 triệu đồng.
- Sự nghiệp thể thao:	215 triệu đồng.
- Chi bảo đảm xã hội:	1.840 triệu đồng.
- Chi an ninh quốc phòng:	8.920 triệu đồng.
+ Chi An ninh:	4.748 triệu đồng.
+ Chi Quốc phòng:	4.172 triệu đồng.
- Chi quản lý hành chính - Đảng - Đoàn thể:	36.532 triệu đồng.
Trong đó: + Quản lý hành chính:	33.703 triệu đồng.
+ Cơ quan Đảng, đoàn thể:	2.829 triệu đồng.
- Chi khác ngân sách xã:	515 triệu đồng.
- Kinh phí giao UBND xã thực hiện các nhiệm vụ cấp bách:	3.000 triệu đồng.
3.3 Chi dự phòng ngân sách:	2.700 triệu đồng.
3.4 Nguồn kết dư chưa phân bổ (Để lại thực hiện cải cách tiền lương theo quy định; Để lại thực hiện theo hướng dẫn của cấp trên)	
- 70% nguồn tăng thu 2024 cải cách tiền lương:	916 triệu đồng.
- 10% Tiết kiệm theo Nghị quyết 173/NQ-CP:	220 triệu đồng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân xã giao cho Ủy ban nhân dân xã căn cứ các quy định của pháp luật về tài chính, tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân xã. Trong quá trình thực

hiện, khi cần thiết phải điều chỉnh dự toán, Ủy ban nhân dân xã báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã để thống nhất trong điều hành và trình Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện nhiệm vụ giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này theo luật định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Tà Lài khoá VI, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 05 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày Hội đồng nhân dân xã thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- UBND xã - UBMTTQVN xã;
- Hai Ban HĐND xã;
- Các Phòng, Ban chuyên môn, Đoàn thể xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT-HĐND.

CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Luận

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
XÃ TÀ LÀI - TỈNH ĐỒNG NAI

(Đính kèm Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của HĐND Xã Tà Lại)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán 2025
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	162.408
I	Thu ngân sách địa phương theo phân cấp	1.334
-	Thu hưởng 100%	398
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia (%)	612
-	Thu các khoản huy động đóng góp	324
II	Thu BS từ NS cấp trên	151.505
-	Thu bổ sung cân đối	135.094
-	Thu bổ sung có mục tiêu từ NS huyện	16.411
III	Thu kết dư	7.259
VI	Thu chuyển nguồn	2.310
B	TỔNG CHI	162.408
I	Tổng chi cân đối NSDP	162.408
1	Chi đầu tư phát triển	11.069
2	Chi thường xuyên	147.503
3	Chi dự phòng	2.700
4	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	1.136
II	Chi các chương trình mục tiêu	
III	Chi chuyển nguồn	

DỰ TOÁN THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Đính kèm Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của HĐND Xã Tà Lại)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch Tỉnh giao		Kế hoạch HĐND xã giao		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NS xã	Tổng thu NSNN	Thu NS xã	
A	B	3	4	3	4	
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	1.866	1.010	1.866	1.010	
I	Thu nội địa	1.866	1.010	1.866	1.010	
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý					
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý					
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	619	369	619	369	
-	Thuế giá trị gia tăng	607	358	607	358	59%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	3	2	3	2	59%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		0		0	59%
-	Thuế tài nguyên	9	9	9	9	0%
5	Thuế thu nhập cá nhân	354		354		0%
6	Thuế bảo vệ môi trường					
7	Lệ phí trước bạ nhà đất	504	252	504	252	50%
8	Thu phí, lệ phí	237	237	237	237	100%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	42	42	42	42	100%
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					0%
12	Tiền sử dụng đất					0%
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					
16	Thu khác ngân sách	110	110	110	110	100%
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác					
II	Thu viện trợ					

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÀ LÀI

BẢNG CHI TIẾT PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Đính kèm Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của HĐND Xã Tà Lài)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung chi	Biên chế thực tế tháng 7 năm 2025	Dự toán 2025
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH		162.408
A	CHI ĐẦU TƯ		11.069
	<i>Trong đó:</i> Kinh phí đã thực hiện 6 tháng đầu năm (Giao cho phòng kinh tế để tổng hợp thực hiện quyết toán chi năm ngân sách xã Tà Lài 2025)		3.416
B	CHI THƯỜNG XUYÊN		144.503
I	Sự nghiệp GDĐT		95.568
II	Sự nghiệp kinh tế (Phòng Kinh tế)		413
	<i>Trong đó đã chi 6 tháng đầu năm 2025</i>		340
III	Sự nghiệp văn hóa thông tin (Phòng văn hoá - Xã hội)		413
	<i>Trong đó đã chi 6 tháng đầu năm 2025</i>		256
IV	Kinh phí hoạt động phát thanh truyền hình (Phòng Văn hoá - Xã hội)		87
	<i>Trong đó đã chi 6 tháng đầu năm 2025</i>		55
V	Sự nghiệp thể dục thể thao (Phòng Văn hoá - Xã hội)		215
	<i>Trong đó đã chi 6 tháng đầu năm 2025</i>		90
VI	Sự nghiệp xã hội		1.840
1	Phòng Văn hoá - Xã hội		1.534
	<i>Trong đó đã chi 6 tháng đầu năm 2025</i>		306
2	Phòng Kinh tế		
VII	An ninh -Quốc phòng (Văn phòng HĐND& UBND xã)		8.920
1	An ninh		4.748
	<i>Trong đó đã chi 6 tháng đầu năm 2025</i>		2.721
2	Quốc phòng		4.172
	<i>Trong đó đã chi 6 tháng đầu năm 2025</i>		2.145
VIII	Kinh phí hoạt động quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		36.532
1	Quản lý nhà nước		33.703
1.1	Văn phòng HĐND&UBND xã		31.037
-	Lương, các khoản đóng góp theo lương		723
-	Hoạt động CBCC	12	210
-	Phụ cấp cán bộ KCT xã		933
-	Phụ cấp cán bộ không chuyên trách áp		946
-	Người tham gia trực tiếp hoạt động tại ấp		197
-	Kinh phí đã thực hiện 6 tháng đầu năm (Giao Văn phòng UBND xã để cuối năm thực hiện quyết toán chu năm ngân sách xã Tà Lài 2025)		26.925
-	Hoạt động khác		1.104
1.2	Phòng Kinh tế		1.002
	Lương, các khoản đóng góp theo lương		739
	Hoạt động CBCC	15	263
	Hoạt động khác		
1.3	Phòng Văn hoá - Xã hội		1.157
	Lương, các khoản đóng góp theo lương		877
	Hoạt động CBCC	16	280
	Hoạt động khác		
1.4	Trung tâm phục vụ hành chính công		507
	Lương, các khoản đóng góp theo lương		384
	Hoạt động CBCC	7	123
	Hoạt động khác		
2	Đảng, Đoàn thể		2.829
2.1	Văn phòng Đảng Ủy		1.904
-	Lương, các khoản đóng góp theo lương		975
-	Hoạt động CBCC	17	298

TT		tháng 7 năm 2025	
-	Hoạt động khác (Kinh phí đại hội đảng 509tr)		631
2.2	UBMT tổ quốc		924
-	Lương, các khoản đóng góp theo lương		437
-	Hoạt động CBCC	9	158
-	Hoạt động khác		329
IX	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên, cấp bách trên địa bàn xã (theo quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 25/7/2025) thực hiện phân bổ thực hiện các nhiệm vụ cụ thể		3.000
X	Chi khác		515
C	70% tăng thu 2024 để lại thực hiện cải cách tiền lương		916
D	10% Tiết kiệm theo Nghị quyết 173		224
E	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH		2.704

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỌC NĂM 2025
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TÀ LÀI**

(Đính kèm Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của HĐND Xã Tà Lài)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán phân bố 2025	Trong đó	
			Nguồn 12	Nguồn 13
1	Trường MN Phú Thịnh	6.444	638	5.806
2	Trường MN Phú Lập	7.231	489	6.742
3	Trường MN Tà Lài	7.405	472	6.934
4	Trường MN Cát Tiên	5.299	336	4.963
5	Trường TH Kim Đồng	12.634	2.503	10.131
6	Trường TH Phú Lập	9.678	27	9.651
7	Trường TH Nguyễn Trung Trực	15.160	54	15.106
8	Trường THCS Phú Thịnh	6.113	300	5.814
9	Trường THCS Hoà Bình	8.123	116	8.008
10	Trường THCS Tà Lài	9.870	1.656	8.214
11	Trường THCS Núi Tượng	7.610	1.627	5.983
Tổng cộng		95.568	8.217	87.351